

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 01/02/2020.

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 26/06/2019 và giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Lương Đình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên	
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/01/2020
Ông Cao Trung Ngoan	Quyền Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2019
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển công tác từ 01/07/2019

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
	Thành viên	Đến ngày 26/06/2019
Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Đào Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày 31/01/2020 là Ông Cao Trung Ngoan - Quyền Tổng Giám đốc; từ ngày 01/02/2020 đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tường Anh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/3/2020, từ trang 07 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 12 và số 19 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết). Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được một Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán được lập ngày 26/3/2019. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản vay tương ứng được ghi nhận.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.557.458.459.648	1.251.957.577.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	187.670.533.154	262.268.805.477
Tiền	111		13.470.533.154	77.568.805.477
Các khoản tương đương tiền	112		174.200.000.000	184.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.069.595.000.000	715.865.930.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.069.595.000.000	715.865.930.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.355.140.580	226.285.575.765
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	160.424.257.168	155.737.694.728
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.207.918.974	5.502.967.640
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	109.124.338.360	89.416.247.507
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	11	(25.401.373.922)	(24.371.334.110)
Hàng tồn kho	140	9	38.211.680.649	29.960.382.753
Hàng tồn kho	141		38.211.680.649	29.960.382.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.626.105.265	17.576.883.133
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.024.487.764	12.112.409.362
Thuế GTGT được khấu trừ	152		601.617.501	2.512.524.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	2.951.949.296
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.630.876.368.172	3.749.500.020.273
Tài sản cố định	220		2.136.210.259.007	2.310.777.402.750
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.134.218.645.007	2.308.444.332.750
- Nguyên giá	222		4.669.724.839.729	4.636.365.694.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.535.506.194.722)	(2.327.921.361.377)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.991.614.000	2.333.070.000
- Nguyên giá	228		31.901.695.138	31.901.695.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.910.081.138)	(29.568.625.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.858.821.117	21.188.709.815
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.858.821.117	21.188.709.815
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	1.430.950.598.899	1.359.205.224.474
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	83.143.237.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.449.465.674)	(21.194.840.099)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		70.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		61.856.689.149	58.328.683.234
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.955.353.543	24.873.511.169
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	40.901.335.606	33.455.172.065
TỔNG TÀI SẢN	270		5.188.334.827.820	5.001.457.597.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.216.512.965.398	1.252.686.504.824
Nợ ngắn hạn	310		534.069.556.447	545.745.216.467
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.852.456.108	44.334.034.616
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.661.390.932	375.082.942
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	54.514.862.754	36.949.497.326
Phải trả người lao động	314		95.603.478.277	96.414.325.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	206.866.302.257	169.456.324.734
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	67.200.524.260	138.472.760.561
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	33.234.797.596	32.361.105.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.135.744.263	27.382.085.376
Nợ dài hạn	330		682.443.408.951	706.941.288.357
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	682.443.408.951	706.941.288.357
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.971.821.862.422	3.748.771.092.577
Vốn chủ sở hữu	410	22	3.971.821.862.422	3.748.771.092.577
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		287.408.908.744	217.294.930.168
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		414.812.953.678	261.876.162.409
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.612.929.378	80.925.231.850
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		329.200.024.300	180.950.930.559
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.188.334.827.820	5.001.457.597.401



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.169.372.160.565	1.075.403.237.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.169.372.160.565	1.075.403.237.584
Giá vốn hàng bán	11	25	796.769.977.957	767.320.140.836
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		372.602.182.608	308.083.096.748
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	164.481.672.373	190.783.653.995
Chi phí tài chính	22	27	51.053.259.154	52.544.496.902
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		42.499.523.525	42.827.346.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	99.433.124.416	92.336.157.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		386.597.471.411	353.986.096.169
Thu nhập khác	31	30	1.440.754.831	899.249.710
Chi phí khác	32	31	137.099.754	529.717.492
Lợi nhuận khác	40		1.303.655.077	369.532.218
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		387.901.126.488	354.355.628.387
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	66.147.265.729	50.047.747.235
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		329.200.024.300	311.734.930.559



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	387.901.126.488	354.355.628.387
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	207.276.511.309	260.483.428.728
Các hoàn nhập/trích lập dự phòng	03	(715.334.613)	(9.256.811.455)
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.961.716.120	13.332.533.772
Lãi hoạt động đầu tư	05	(162.438.452.291)	(187.742.524.847)
Chi phí lãi vay	06	42.499.523.525	42.827.346.317
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	483.485.090.538	473.999.600.902
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.363.293.719)	(11.127.723.334)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.251.297.896)	(6.395.964.760)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.534.065.062	52.375.120.623
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.006.079.224	340.288.584
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.433.560.694)	(5.752.811.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.047.747.235)	(55.419.092.072)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	32.121.500	320.563.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(45.638.791.577)	(45.284.971.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	365.322.665.203	403.055.010.169
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.106.663.904)	(171.604.358.614)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.625.395.000.000)	(965.165.930.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.201.665.930.000	881.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	160.844.670.019	148.012.069.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(275.991.063.885)	(106.958.219.341)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.974.415.475)	(31.523.491.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(130.784.000.000)	(196.176.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.758.415.475)	(227.699.491.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(74.426.814.157)	68.397.299.828
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	262.268.805.477	192.656.351.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(171.458.166)	1.215.154.015
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	187.670.533.154	262.268.805.477



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2014.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng *(Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)*.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển;

...

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 05 Công ty con, 06 Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 02 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con, chi tiết tại Thuyết minh số 16 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 1.359 người (tại ngày 31/12/2018 là 1.540 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc là các đơn vị có tổ chức bộ máy và hệ thống sổ sách kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch);
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc sản xuất hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 20

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị của đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá xác định lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.
- Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm và chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)****Doanh thu hoạt động tài chính**

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được Báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh khai thác Cảng, dịch vụ kho bãi và logistic. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ Công ty cung cấp hoặc tại các khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.029.884.500	237.985.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.440.648.654	77.330.819.977
Các khoản tương đương tiền	174.200.000.000	184.700.000.000
	187.670.533.154	262.268.805.477

6. ĐÀU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2019 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	160.424.257.168	155.737.694.728
- Ocean Network Express Pte., Ltd	11.187.985.469	16.520.922.095
- Wan Hai Lines	13.829.154.898	13.366.526.240
- Maersk Line A/S	8.989.479.894	7.694.121.574
- Sealand Maersk Asia Pte. Ltd (trước đây là MCC Transport Singapore Pte. Ltd)	9.575.900.189	4.638.050.654
- HYUNDAI MERCHANT MARINE CO.,LTD	3.484.569.843	4.845.688.767
- Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	11.477.022.428	10.363.601.649
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	9.930.305.723
- Phải thu ngắn hạn bên liên quan	17.841.082.921	21.865.816.365
- Các khách hàng khác	74.108.755.803	66.512.661.661
	160.424.257.168	155.737.694.728

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

8A Trần Phú, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP)**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Một số khoản Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	17.841.082.921	21.865.816.365
- Công ty Cổ phần HPH Logistic	1.016.409.895	2.448.444.194
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.322.171.132	3.329.357.688
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	7.311.649.445	8.008.984.801
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	4.965.834.725
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	126.232.228	1.126.482.703
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	33.962.720	37.821.652
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	9.555.673	16.371.695
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	68.475.000	26.708.000
- Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	5.670.472.868	837.094.223
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	1.053.107.316
- Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	-	15.609.368
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	282.153.960	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	109.124.338.360	89.416.247.507
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	34.566.363.655	48.687.770.647
- Phải thu lãi tiền gửi	26.378.596.938	10.663.407.674
- Tạm ứng	362.300.000	653.000.000
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ cho công ty con	32.280.499.715	17.917.150.965
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	11.819.337.341	8.001.197.954
- Phải thu khác	3.717.240.711	3.493.720.267
	109.124.338.360	89.416.247.507
Một số khoản Phải thu khác là các bên liên quan	66.846.863.370	66.604.921.612
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	66.548.241.377	66.316.503.681
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	18.492.323	8.288.261
- Công ty TNHH Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	280.129.670	280.129.670
	66.846.863.370	66.604.921.612

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

8A Trần Phú, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.833.899.647	-	28.569.805.036	-
Công cụ, dụng cụ	1.367.190.548	-	1.390.577.717	-
Hàng hóa	10.590.454	-	-	-
	38.211.680.649	-	29.960.382.753	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	14.024.487.764	12.112.409.362
- Phí bảo hiểm	5.298.683.426	7.593.806.389
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.586.295.487	2.431.174.293
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.139.508.851	2.087.428.680
Dài hạn	20.955.353.543	24.873.511.169
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	13.826.908.111	17.500.534.347
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.792.392.880	7.303.750.656
- Chi phí trả trước dài hạn khác	336.052.552	69.226.166
	34.979.841.307	36.985.920.531

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. NỢ XẤU**

Khoản mục	12/31/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ quá hạn trên 3 năm	25.401.373.922	(25.401.373.922)	-	25.172.263.618	(24.204.469.174)	-
Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Hải Dương	367.184.730	(367.184.730)	-	367.184.730	(367.184.730)	-
Công ty CP TMDV và vận tải Trọng Tín	915.035.424	(915.035.424)	-	915.035.424	-	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Hoàng Ngân	777.244.311	(777.244.311)	-	777.244.311	(777.244.311)	-
Công ty CP Vận tải container Đông Đô cảng HP	3.322.171.132	(3.322.171.132)	-	3.329.357.688	(3.329.357.688)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	339.894.940	(339.894.940)	-	339.894.940	(339.894.940)	-
Công ty TNHH MTV VT Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty CP Nam Việt	390.750.985	(390.750.985)	-	391.680.741	(391.680.741)	-
CN Công ty CP Vinalines Đông Bắc	436.403.386	(436.403.386)	-	436.649.760	(436.649.760)	-
Công ty TNHH DV TM Hải châu	965.762.010	(965.762.010)	-	965.762.010	(965.762.010)	-
MCC Transport Singapore Pte, Ltd	307.142.874	(307.142.874)	-	307.873.692	(307.873.692)	-
Công ty TNHH MTV VTB Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	-	9.930.305.723	(9.930.305.723)	-
Đối tượng khác (*)	1.020.611.589	(1.020.611.589)	-	782.407.781	(729.648.761)	-
Nợ quá hạn trên 2 năm và dưới 3 năm	-	-	-	238.378.480	(166.864.936)	71.513.544
Tổng cộng	25.401.373.922	(25.401.373.922)	-	25.410.642.098	(24.371.334.110)	71.513.544

(*) Số dư tại ngày 31/12/2019 bao gồm các khoản phải thu đã quá hạn trên 2 năm và dưới 3 năm tại ngày 01/01/2019 được chuyển thành các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	1.701.258.479.247	79.814.651.986	2.812.361.207.583	42.931.355.311	4.636.365.694.127
- Mua mới trong năm	-	-	2.709.000.000	1.012.417.955	3.721.417.955
- Đầu tư XDCB hoàn thành	28.560.339.539	-	592.374.926	485.013.182	29.637.727.647
31/12/2019	1.729.818.818.786	79.814.651.986	2.815.662.582.509	44.428.786.448	4.669.724.839.729
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(694.493.222.702)	(36.845.775.151)	(1.574.526.981.097)	(22.055.382.427)	(2.327.921.361.377)
- Khấu hao trong năm	(57.812.751.510)	(3.428.886.676)	(142.475.625.729)	(3.867.569.430)	(207.584.833.345)
31/12/2019	(752.305.974.212)	(40.274.661.827)	(1.717.002.606.826)	(25.922.951.857)	(2.535.506.194.722)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	1.006.765.256.545	42.968.876.835	1.237.834.226.486	20.875.972.884	2.308.444.332.750
31/12/2019	977.512.844.574	39.539.990.159	1.098.659.975.683	18.505.834.591	2.134.218.645.007

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.209.261.152.469 đồng.

(*) Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm giá trị đầu tư tạm ghi nhận của 02 cầu Cảng số 04, 05 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng căn cứ theo Quyết định 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015. Các tài sản nêu trên thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2 (Dự án), do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thông nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay ODA liên quan đến tài sản nêu trên. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, phương án xử lý chính thức đối với các nội dung nêu ra trong văn bản 8715 của Bộ Tài chính vẫn chưa được xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	31.901.695.138	31.901.695.138
- Mua trong năm	-	-
31/12/2019	<u>31.901.695.138</u>	<u>31.901.695.138</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(29.568.625.138)	(29.568.625.138)
- Khấu hao trong năm	(341.456.000)	(341.456.000)
31/12/2019	<u>(29.910.081.138)</u>	<u>(29.910.081.138)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>2.333.070.000</u>	<u>2.333.070.000</u>
31/12/2019	<u>1.991.614.000</u>	<u>1.991.614.000</u>

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.964.821.138 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Giá gốc	
	31/12/2019 <u>VND</u>	01/01/2019 <u>VND</u>
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5,6	65.009.133	19.399.259.649
Các công trình khác	1.793.811.984	1.789.450.166
	<u>1.858.821.117</u>	<u>21.188.709.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Thuế suất %	Giá trị	Thuế suất %
	VND		VND	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	204.506.678.033		167.275.860.326	
+ Chi phí lãi vay dự trả liên quan đến khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ	204.506.678.033	20%	167.323.645.661	20%
+ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	915.174.935	20%
+ Lãi/Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính	-	-	(962.960.270)	20%
	204.506.678.033		167.275.860.326	
			33.455.172.065	
			33.464.729.132	
			183.034.987	
			(192.592.054)	
			33.455.172.065	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tor, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư vào Công ty con	1.279.501.691.109	(910.934.795)		1.279.501.691.109	(587.035.946)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	816.000.000.000	-	742.560.000.000	816.000.000.000	-	856.800.000.000
Công ty Cổ phần Lai dật và Vận tải Cảng Hải Phòng	17.501.691.109	-	12.960.000.000	17.501.691.109	-	12.150.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	430.000.000.000	-		430.000.000.000		
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	(910.934.795)		15.000.000.000	(587.035.946)	
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	1.000.000.000	-		1.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	83.143.237.464	(17.337.399.867)		83.143.237.464	(19.466.673.141)	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	(5.045.883.853)		31.440.000.000	(6.702.543.844)	
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	-		25.289.203.035	-	
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	11.596.000.000	-		11.596.000.000	-	
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	6.300.000.000	(6.300.000.000)		6.300.000.000	(6.300.000.000)	
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	5.518.034.429	(5.518.034.429)		5.518.034.429	(5.518.034.429)	
Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	(473.481.585)		3.000.000.000	(946.094.868)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.755.136.000	(1.201.131.012)		17.755.136.000	(1.141.131.012)	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	15.307.119.745	-		15.307.119.745	-	
Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	144.385.243	-		144.385.243	-	
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	122.500.000	-	661.756.920	122.500.000	-	661.756.920
Công ty CP Vinalines Logistics	2.181.131.012	(1.201.131.012)	980.000.000	2.181.131.012	(1.141.131.012)	1.040.000.000
	1.380.400.064.573	(19.449.465.674)		1.380.400.064.573	(21.194.840.099)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	20.400.000	51%	51%	20.400.000	51%	51%
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.620.000	60%	60%	1.620.000	60%	60%
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu		100%	100%		100%	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng		100%	100%		100%	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng		100%	100%		100%	100%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)						
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	3.144.000	30,52%	30,52%	3.144.000	30,52%	30,52%
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	2.350.000	27,61%	27,61%	2.350.000	27,61%	27,61%
Công ty CP HPH Logistics (trước đây là Công ty CP HGH Logistics)	1.159.600	38,81%	38,81%	1.159.600	38,81%	38,81%
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	630.000	32%	32%	630.000	32%	32%
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	500.000	25%	25%	500.000	25%	25%
Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	30.000	20%	20%	30.000	20%	20%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	1.503.373	0%	0%	1.503.373	0%	0%
Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng hải	1.375	3%	3%	1.375	3%	3%
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	130.782	0%	0%	130.782	0%	0%
Công ty CP Vinalines Logistics	200.000	1%	1%	200.000	1%	1%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(*) Công ty còn có 2 Công ty liên kết được nắm giữ gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con, bao gồm Công ty Tiếp vận SITC - Đình Vũ và Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 26,01% và 23,26%, tỷ lệ biểu quyết tương ứng là 50,00% và 45,60%.

(**) Đối với các công ty đã được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty xác định giá trị hợp lý căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty không xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa được niêm yết hoặc không có giá giao dịch công khai trên thị trường.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	52.852.456.108	52.852.456.108	44.334.034.616	44.334.034.616
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Cảng	413.719.564	413.719.564	4.946.287.744	4.946.287.744
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.299.898.911	6.299.898.911	6.467.967.875	6.467.967.875
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	4.227.322.631	4.227.322.631	779.262.503	779.262.503
- Các nhà cung cấp khác	41.911.515.002	41.911.515.002	32.140.516.494	32.140.516.494
	52.852.456.108	52.852.456.108	44.334.034.616	44.334.034.616
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	6.858.207.319	6.858.207.319	7.407.605.060	7.407.605.060
- Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.299.898.911	6.299.898.911	6.467.967.875	6.467.967.875
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	528.088.658	528.088.658	924.517.185	924.517.185
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	30.219.750	30.219.750	600.000	600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ	-	-	14.520.000	14.520.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	68.052.675.914	65.258.073.161	2.794.602.753
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.107.066.985	66.147.265.729	62.107.066.985	15.147.265.729
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.734.152.250	8.438.623.319	1.295.528.931
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	25.842.430.341	38.696.719.425	29.261.684.425	35.277.465.341
- Các loại thuế khác	-	7.433.463	7.433.463	-
	36.949.497.326	182.638.246.781	165.072.881.353	54.514.862.754

	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/khấu trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế Thu nhập cá nhân	2.951.949.296	-	2.951.949.296	-
	2.951.949.296	-	2.951.949.296	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A, Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (*)</i>	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
Cộng	32.361.105.777	32.361.105.777	32.974.415.473	(32.974.415.475)	33.234.797.596	33.234.797.596
Vay dài hạn						
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II (*)</i>	323.611.057.770	323.611.057.770	-	(32.974.415.473)	299.113.178.364	299.113.178.364
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (**)</i>	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- <i>Vay dài hạn ODA câu số 4,5 bến Cảng chĩa Vẽ (**)</i>	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Cộng	706.941.288.357	706.941.288.357	-	(32.974.415.473)	682.443.408.951	682.443.408.951
Tổng cộng	739.302.394.134	739.302.394.134	32.974.415.473	(65.948.830.948)	715.678.206.547	715.678.206.547

(*) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ HTPT Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm và phí vay lại 0,2%/năm; lãi và gốc được trả thành 40 kỳ vào ngày 20 tháng 02 và 20 tháng 08 hàng năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(**) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 4, số 5 bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 (“Quyết định 4196”) của Bộ Giao thông Vận tải.

Căn cứ theo Quyết định số 4196 và Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần” được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ đồng là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ đồng là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc Dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng đồng VND và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm hiện tại với lãi suất vay là 9,5%/ năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm, phần vốn đối ứng không tính lãi.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Lãi vay phải trả (*)	206.362.287.565	169.296.324.734
- Các khoản khác	504.014.692	160.000.000
	206.866.302.257	169.456.324.734

(*) Bao gồm chi phí lãi vay phải trả tạm tính cho khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung và khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 bãi container bến Cảng Chùa Vẽ với giá trị lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 204.506.678.033 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 167.323.645.661 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	67.200.524.260	138.472.760.561
- Phải trả tiền cổ tức	65.392.000.000	130.784.000.000
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	321.388.400	643.946.500
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	1.125.404.000	3.812.425.000
- Thuế TNCN khấu trừ thừa của Cán bộ công nhân viên	-	2.691.335.044
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	355.731.860	535.054.017
Dài hạn	-	-
	67.200.524.260	138.472.760.561
Trong đó: Phải trả bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV - tiền cổ tức phải trả	60.528.275.400	121.056.550.800
	60.528.275.400	121.056.550.800

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	3.269.600.000.000	161.622.388.578	368.338.890.223	3.799.561.278.801
- Lãi trong năm	-	-	311.734.930.559	311.734.930.559
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	55.583.536.373	(55.583.536.373)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(35.654.122.000)	(35.654.122.000)
- Chia cổ tức	-	-	(326.960.000.000)	(326.960.000.000)
- Tăng khác	-	89.005.217	-	89.005.217
31/12/2018	3.269.600.000.000	217.294.930.168	261.876.162.409	3.748.771.092.577
01/01/2019	3.269.600.000.000	217.294.930.168	261.876.162.409	3.748.771.092.577
- Lãi trong năm	-	-	329.200.024.300	329.200.024.300
- Chia cổ tức (*)	-	-	(65.392.000.000)	(65.392.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	70.022.606.031	(70.022.606.031)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	(40.848.627.000)	(40.848.627.000)
- Tăng khác	-	91.372.545	-	91.372.545
31/12/2019	3.269.600.000.000	287.408.908.744	414.812.953.678	3.971.821.862.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(*) Chi trả cổ tức bổ sung năm 2018 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 13/12/2019 với tỷ lệ 2% vốn điều lệ.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty ngày 26/06/2019.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-Công ty TNHH MTV Cổ đông khác	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%
	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000	7,44%
	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000	100%

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	65.392.000.000	326.960.000.000

22.4 Cổ phiếu

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	12/31/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	93.892,95	2.936.188,89
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.183.298.144	2.183.298.144

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bốc xếp	965.058.063.735	834.167.457.135
Doanh thu lưu bãi	141.032.101.141	179.451.594.253
Doanh thu lai đất	41.541.834.423	41.527.328.165
Doanh thu kiểm đếm, giao nhận, cân hàng	6.865.490.133	4.752.830.300
Dịch vụ khác	14.874.671.133	15.504.027.731
	1.169.372.160.565	1.075.403.237.584

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	312.341.649.889	283.846.263.356
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	204.616.032.934	257.223.465.188
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.793.374.076	72.238.513.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.998.801.717	79.404.124.987
Chi phí khác	114.020.119.341	74.607.773.560
	796.769.977.957	767.320.140.836

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.487.519.116	45.418.064.680
Cổ tức lợi nhuận được chia	97.950.933.175	142.324.460.167
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.034.352.222	3.036.940.348
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.867.860	4.188.800
	164.481.672.373	190.783.653.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	42.499.523.525	42.827.346.317
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.337.393.936	1.722.899.815
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	8.961.716.118	13.332.533.772
Hoàn nhập/Trích dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.745.374.425)	(5.338.283.002)
	51.053.259.154	52.544.496.902

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	51.632.786.093	48.940.173.717
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.660.478.375	3.259.963.540
- Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	1.030.039.812	3.643.971.547
- Chi phí văn phòng phẩm, ấn phẩm	2.171.962.300	1.459.917.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.810.155.596	3.672.255.168
- Các khoản chi phí khác	38.127.702.240	31.359.876.700
	99.433.124.416	92.336.157.672

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	86.111.983.446	73.691.585.060
Chi phí nhân công	363.974.435.982	332.786.437.073
Khấu hao tài sản cố định	207.276.511.309	260.483.428.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.490.347.943	81.489.878.903
Dự phòng/hoàn nhập số dư dự phòng phải thu	1.030.039.812	3.643.971.547
Chi phí bằng tiền khác	154.319.783.881	107.560.997.197
	896.203.102.373	859.656.298.508

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền điện cho thuê ngoài	1.240.507.669	786.974.046
Thu nhập khác	200.247.162	112.275.664
	1.440.754.831	899.249.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền điện cho thuê ngoài	87.099.754	104.872.695
Các khoản khác	50.000.000	424.844.797
	137.099.754	529.717.492

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	387.901.126.488	354.355.628.387
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(97.950.933.175)	(143.287.420.435)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(97.950.933.175)	(142.324.460.167)
- <i>Lãi CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu cuối năm</i>	-	(962.960.268)
Cộng:	39.529.072.422	39.170.528.221
- <i>Chi phí nhiên liệu vượt định mức</i>	106.966.191	832.379.253
- <i>Chi phí lãi vay trích trước</i>	37.183.032.372	37.183.032.372
- <i>Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại 31/12/2018 đã loại ra khi tính thuế năm 2018</i>	962.960.268	-
- <i>Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và phải thu cuối năm</i>	222.045.345	-
- <i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	-	915.174.933
- <i>Chi phí không được trừ</i>	1.054.068.246	239.941.663
Thu nhập tính thuế	329.479.265.735	250.238.736.173
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	65.895.853.147	50.047.747.235
Truy thu thuế TNDN	251.412.582	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.147.265.729	50.047.747.235

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)
	(7.446.163.541)	(7.427.049.407)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN KHÁC****34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan của Công ty bao gồm Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV, các Công ty trong cùng Tổng Công ty, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, Thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ngoài các thông tin về số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các Thuyết minh số 7, 8, 17, 21 trong Báo cáo tài chính, Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	Chia cổ tức	60.528.275.400	302.641.377.000
			Chi trả cổ tức	121.056.550.800	181.584.826.200
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.458.166.793	2.483.395.205
			Mua dịch vụ	498.565.100	128.541.960
			Cổ tức được chia	61.200.000.000	91.800.000.000
3	Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải phòng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.134.310.188	6.873.037.825
			Mua dịch vụ	40.020.216.642	39.598.252.782
			Cổ tức được chia	1.620.000.000	1.620.000.000
4	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.003.481.025	1.653.528.000
			Mua dịch vụ	1.593.456.010	1.965.743.002
			Lợi nhuận được chia	34.267.741.662	48.399.352.716
			Mua dịch vụ	1.269.432.500	1.071.332.400
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con	Mua dịch vụ	1.269.432.500	1.071.332.400
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	140.586.220	398.881.401
			Mua dịch vụ	525.400.000	339.000.000
6	Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con	Lợi nhuận được chia	18.492.323	8.288.261
			Mua dịch vụ	525.400.000	339.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG8A Trần Phú, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

STT	Công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
7	Công ty Vận tải biển Container Vinalines - CN TCT HHVN	Chi nhánh của Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	232.330.578
8	Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng	Chi nhánh của Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	503.382.750
9	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.671.433.754	18.002.066.058
10	Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	37.820.000
11	Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.374.518.432	7.431.108.351
12	Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.074.570	688.292.059
13	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (trước đây là Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam)	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	408.465.000	340.080.000
14	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Công ty cùng Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.104.000	15.608.917.350
15	Công ty CP HPH Logistics	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.093.193.515	8.014.272.880
16	Công ty Vận tải biển Vinalines - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ	Cổ tức được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ	695.760.000 30.388.668.504	347.880.000 760.994.747
17	Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.647.257.600	241.855.000
				Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc				3.759.920.030	4.996.677.379
Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát				4.462.510.033	2.894.641.324
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát				389.000.000	409.000.000
				8.611.430.063	8.300.318.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng giao và cho thuê đất, mặt nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty hiện chấp hành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước và chấp hành luật đất đai, sử dụng đúng mục đích được giao.

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thành
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 691 /CV-CHP

“V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC năm 2019 đã
được kiểm toán”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019 của Công ty như sau:

Ý kiến “*Như đã đề cập tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa là cầu cảng số 04, 05 bãi container Bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 150,4 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả ước tính tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 383,3 tỷ đồng và 204,5 tỷ đồng. Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã thống nhất với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và nhất trí chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết). Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.”.*

Ý kiến ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/7/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC từ

năm 2014 đến năm 2018. Cho đến ngày 31/12/2019, Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như đề Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *Th*

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT Cty (đề b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Lương Anh